VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113 /2026/VBHN-TT-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam

Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013; được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017;

2. Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019;

3. Thông tư 30/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022;

4. Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 06 năm 2022;

5. Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022;

6. Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024;

7. Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.[1]

---

[1] Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam."
Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.".
Thông tư 30/2021/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam."
Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển Việt Nam, bao gồm các quy định về cảng, bến, phương tiện, thuyền viên và hoạt động vận tải thủy trên tuyến.

Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển Việt Nam bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này và các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được công bố theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Trách nhiệm quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo[2]

1. Công bố tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo:

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải."
Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.".
Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT có căn cứ ban hành như sau:
"Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.".
Thông tư số 09/2025/TT-BXD có căn cứ ban hành như sau:
"Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Nghị định số 144/2025/NĐ-PC ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;
Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương."

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo đối với các tuyến nằm trong phạm vi địa giới hành chính do địa phương đó quản lý;

b) Trường hợp tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo đi qua địa giới hành chính của từ hai tỉnh trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan có trách nhiệm phối hợp, thống nhất bằng văn bản để một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công bố tuyến. Việc lựa chọn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công bố căn cứ vào vị trí xuất phát của tuyến, chiều dài tuyến thuộc địa giới hành chính hoặc theo thỏa thuận giữa các địa phương có liên quan;

c) Đối với các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát, công bố lại bảo đảm hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công bố tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo gửi văn bản thông báo về Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải và đường thủy nội địa.

2. Trách nhiệm quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

a) Việc tổ chức quản lý hoạt động vận tải thủy trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải, giao thông đường thủy nội địa;

b) Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực thi, chấp hành các quy định của pháp luật về hàng hải, đường thủy nội địa đối với các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được công bố

3.[3] ***(được bãi bỏ)***

Điều 3. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo[4]

Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này được thực hiện như sau:

1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký vận tải hành khách cố định trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác đến Sở Xây dựng[5], hồ sơ bao gồm:

a) Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử

---

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022; được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024

[5] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 của Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

có chứng thực ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

c) Xuất trình bản chính để kiểm tra (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực (trong trường hợp gửi qua đường bưu chính, qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc theo hình thức phù hợp khác), bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện còn hiệu lực và phù hợp với tuyến hoạt động.

2. Trình tự thực hiện: Sở Xây dựng[6] tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp: nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định, chậm nhất không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng[7] gửi xin ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ hàng hải khu vực, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam[8] (sau đây gọi là Cảng vụ) nơi có tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo đi qua. Cảng vụ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản;

b) Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng[9] phải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra văn bản thông báo, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì Sở Xây dựng [10]kết thúc việc giải quyết hồ sơ. Tổ chức, cá nhân muốn tiếp tục làm thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định phải thực hiện lại từ đầu theo quy định.

Nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định, chậm nhất không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng[11] gửi xin ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ nơi có tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo đi qua. Cảng vụ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản;

3. Chậm nhất không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản

---

[6] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[7] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[8] Cụm từ " Cục Đường thủy nội địa Việt Nam" được thay thế bởi cụm từ "Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam" theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[9] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[10] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[11] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

trả lời của cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Xây dựng[12] xem xét, có văn bản chấp thuận theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân vận tải khách cố định trên tuyến. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 4. Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục công bố mở, đóng cảng, bến thuộc tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục công bố đóng, mở cảng, bến thuộc tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo được thực hiện theo quy định pháp luật hàng hải đối với cầu, bến, cảng biển và theo quy định pháp luật đường thủy nội địa đối với cảng, bến thủy nội địa.

Điều 5. Thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến

1. Thủ tục phương tiện vào, rời cảng biển được thực hiện theo quy định của pháp luật hàng hải.

2. Thủ tục phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa.

Điều 6. [13]***(được bãi bỏ)***

Điều 7. Hiệu lực thi hành[14]

---

[12] Cụm từ " Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư sô 36/2019/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019; được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

[14] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Bãi bỏ Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 06 năm 2022 quy định như sau:

"***Điều 3. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 06 năm 2022.

2. Bãi bỏ Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

2. Bãi bỏ Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 09 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Điều 1 Thông tư số 08/2022/TT-BGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 quy định như sau:

"***Điều 3. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 31, Điều 32 và Điều 33 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"***Điều 31. Hiệu thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Bộ Xây dựng

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông này;

b) Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp cho chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí nguồn lực, các điều kiện để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành báo cáo Bộ Xây dựng để kịp thời xử lý, tháo gỡ;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Thông tư này.

Điều 33. Quy định chuyển tiếp

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 và thay thế Quyết định số 1818/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

---

1. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Đối với các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến chính quyền hai cấp:

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp huyện đang giải quyết cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nếu đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà vẫn chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng sau đó phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm phân công cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền địa phương cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đang có công việc, hồ sơ thủ tục hành chính cần giải quyết để tiếp tục giải quyết bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp; trường hợp nội dung công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đó liên quan đến từ 02 đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp trở lên hoặc có nội dung phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm trực tiếp giải quyết hoặc phân công cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình tiếp tục giải quyết bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

3. Đối với các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính liên quan phân cấp nhiệm vụ, thẩm quyền

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp trả lại hồ sơ để hoàn thiện thì gửi hồ sơ đến cơ quan được phân cấp theo quy định tại Thông tư này để tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Thông tư này.

4. Quy định chuyển tiếp đối với với nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này:

a) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước;

b) Đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan có thẩm quyền trong thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước.

5. Quy định chuyển tiếp đối với nội dung quy định tại Điều 10 Thông tư này.

a) Cấp công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư;

b) Trường hợp dự án, công trình xây dựng đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và đủ điều kiện thẩm định thì việc xác định cấp công trình và áp dụng cấp công trình trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm trình thẩm định;

c) Trường hợp công trình có điều chỉnh thiết kế xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng không làm thay đổi về mức độ quan trọng, quy mô công suất, quy mô kết cấu thì cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định đầu tư; trường hợp công trình có điều chỉnh thiết kế xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà làm thay đổi về mức độ quan trọng, quy mô công suất, quy mô kết cấu thì cấp công trình được xác định theo quy định tại Thông tư này./."

PHỤ LỤC I[15]

DANH MỤC CÁC TUYẾN VẬN TẢI THỦY TỪ BỜ RA ĐẢO TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	TÊN TUYẾN	THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH, THÀNH PHỐ	CẤP ĐĂNG KIỂM	GHI CHÚ
1.	Hải Hà - Đảo Trần - Cô Tô	Quảng Ninh	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
2.	Hải Phòng - Bạch Long Vĩ	Hải Phòng	Tàu biển từ Cấp hạn chế II trở lên	
3.	Cửa Việt - Cồn Cỏ	Quảng Trị	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
4.	Đà Nẵng - Hoàng Sa	Đà Nẵng	Tàu biển cấp không hạn chế	
5.	Sa Kỳ - Lý Sơn	Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
6.	Khánh Hòa - Trường Sa	Khánh Hòa	Tàu biển cấp không hạn chế	
7.	Nha Trang - Hòn Nội	Khánh Hòa	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
8.	Phan Thiết - Phú Quý	Bình Thuận	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
9.	Vũng Tàu -	Bà Rịa - Vũng	Tàu biển từ cấp hạn	

[15] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư 05/2017/TT-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017; được thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư 36/2019/TT-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019; được thay thế theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư 24/2022/TT-BGTVT; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 30/2021/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022; được thay thế theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư 10/2024/TT-BGTVT có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024

	Côn Đảo	Tàu	chế II trở lên	
10.	Trần Đề - Côn Đảo	Sóc Trăng	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
11.	Trần Văn Thời - Hòn Chuối	Cà Mau	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
12.	Rạch Giá - Thổ Châu	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
13.	Rạch Giá - Nam Du	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
14.	Rạch Giá - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	Gồm 05 tuyến từ Rạch Giá đến Hàm Ninh, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm (Phú Quốc)
15.	Kiên Lương - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên; phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB (trừ tàu khách)	Gồm 05 tuyến từ Hòn Chông đến Hàm Ninh, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm (Phú Quốc)
16.	Hà Tiên - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên; phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB (trừ tàu khách)	Gồm 7 tuyến từ khu vực cụm cảng Hà Tiên đến Hàm Ninh, Gành Dầu, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm, Đá Chồng (Phú Quốc) Gồm 7 tuyến từ xã Tiên Hải, Thành phố Hà Tiên đến Hàm Ninh, Gành Dầu, An Thới, Bãi Vòng, Dương Đông, Vịnh Đầm, Đá Chồng (Phú Quốc)
17.	Phú Quốc - Thổ Châu	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
18.	Nam Du - Phú Quốc	Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	Gồm 04 tuyến từ Nam Du đến Dương Đông, An Thới, Vịnh Đầm, Bãi Vòng (Phú Quốc)

19.	Cần Thơ - Côn Đảo	Cần Thơ/Bà Rịa-Vũng Tàu	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
20.	Khai Long - Hòn Khoai	Cà Mau	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
21.	Năm Căn - Hòn Khoai	Cà Mau	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
22.	Năm Căn - Hòn Chuối	Cà Mau	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
23.	Năm Căn - Phú Quốc	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
24.	Năm Căn - Nam Du	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
25.	Năm Căn - Thổ Châu	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ cấp hạn chế II trở lên	
26.	Sông Đốc - Thổ Châu	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
27.	Sông Đốc - Phú Quốc	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
28.	Sông Đốc - Nam Du	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
29.	Khai Long - Phú Quốc	Cà Mau/Kiên Giang	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
30.	Đà Nẵng - Lý Sơn	Đà Nẵng/Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
31.	Thành phố Hồ Chí Minh - Côn Đảo	Thành phố Hồ Chí Minh/Bà Rịa-Vũng Tàu	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
32.	Cửa Tùng - Cồn Cỏ	Quảng Trị	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn	

			chế III trở lên	
33.	Vịnh An Hòa - Lý Sơn	Quảng Nam/Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
34.	Cửa Đại - Lý Sơn	Quảng Nam/Quảng Ngãi	Phương tiện thủy nội địa cấp VR- SB hoặc tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
35.	Cù Lao Chàm-Lý Sơn	Quảng Nam/Quảng Ngãi	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
36.	Đà Nẵng - Cù Lao Chàm	Đà Nẵng/Quảng Nam	Tàu biển từ cấp hạn chế III trở lên	
37.	Trà Vinh - Côn Đảo	Trà Vinh/Bà Rịa-Vũng Tàu	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	
38.	Bến Tre - Côn Đảo	Bến Tre/Bà Rịa-Vũng Tàu	Tàu biển từ hạn chế II trở lên	

PHỤ LỤC II[16]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…..tháng…….năm 20…..

BẢN ĐĂNG KÝ

Hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Kính gửi: ……

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh):.....
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số điện thoại: ……; Fax/email:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: …….ngày.....
- Cơ quan cấp:.....

Đăng ký hoạt động vận tải khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo với các nội dung sau:

1. Các tuyến hoạt động:

- Tuyến 1: từ ……..đến.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)……., trọng tải: …..(ghế)

(Các phương tiện khác ghi tương tự)

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: + Tối đa có …… chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại: ……
vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần): .....
+ Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

4. Thời hạn hoạt động:

.....

5. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật.

Đại diện doanh nghiệp
(hộ hoặc cá nhân kinh doanh)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)

[16] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC III[17]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN [1] TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC [2] --- Số: …. *Vv: Chấp thuận hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- *...., ngày ... tháng ... năm ...*

VĂN BẢN CHẤP THUẬN

Kính gửi: [3]……...

- Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số …/2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;

Tên cơ quan, tổ chức …… chấp thuận hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo …… với các nội dung sau đây:

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh):.....
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số điện thoại: ……; Fax/email:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ……ngày.....
- Cơ quan cấp:.....

Hoạt động vận tải khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo với các nội dung sau:

1. Các tuyến hoạt động:

- Tuyến 1: từ ……..đến.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)…., trọng tải: …..(ghế)

(Các phương tiện khác ghi tương tự)

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: + Tối đa có …… chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại: ……vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần): .....

+ Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:.....

(Các tuyến khác ghi tương tự)

4. Thời hạn hoạt động:…… ……

Văn bản chấp thuận đăng ký hoạt động vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo có hiệu lực kể từ ngày ký văn bản./.

Nơi nhận: - Như Điều... ; -.....; - Lưu: VT,.....	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)* **Họ và tên**

[1] [18]***(được bãi bỏ)***

[2] [19]***(được bãi bỏ)***

[3] [20]***(được bãi bỏ)***

---

[17] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2022; được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024

[18] Ghi chú này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[19] Ghi chú này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

[20] Ghi chú này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 09/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Sang

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để bc);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, CHHĐTVN.